

敏實科技大學新南向產學合作國際專班學生實習及工讀要點

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ THỰC TẬP VÀ LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN LỚP CHUYÊN BAN HỢP TÁC QUỐC TẾ TÂN HƯỚNG NAM- TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC KỸ THUẬT MÃN THỰC

112 年 1 月 12 日校外實習會議通過

112 年 2 月 14 日行政會議通過

113 年 10 月 8 日校務會議通過

Hội nghị thực tập thông qua ngày 12/1/2023

Hội nghị hành chính thông qua ngày 14/2/2023

cuộc họp hội đồng nhà trường đã thông qua 8/10/2024

一、敏實科技大學（以下簡稱本校）為配合教育部新南向政策，辦理「新南向產學合作國際專班」（以下簡稱本專班）。為養成專班學生所需技術實作能力，落實實務教學與職場倫理，實施校外實習（以下簡稱實習）。故依據教育部「補助技專校院辦理產學合作國際專班申請及審查作業要點」、「新南向產學合作國際專班及其他相關辦法與規範」、「新南向產學合作國際專班學生實習及工讀規範」及本校「學生校外實習辦法」，特訂定「敏實科技大學新南向產學合作國際專班學生校外實習及工讀要點」（以下簡稱本要點）。

Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Mã N thực (dưới đây gọi tắt là trường) tổ chức "Lớp chuyên ban hợp tác quốc tế Tân Hướng Nam" (gọi tắt là lớp chuyên ban) để hợp tác với chính sách hướng nam mới của Bộ của Giáo dục. Để phát triển khả năng thực hành kỹ thuật theo yêu cầu của học sinh lớp chuyên ban, thực hiện giảng dạy thực tế và đạo đức nơi làm việc, và thực hiện thực tập ngoài trường (sau đây gọi tắt là thực tập). Do đó, dựa trên các quy định của Bộ Giáo dục về "Hỗ trợ các trường đại học cao đẳng kỹ thuật trong việc đăng ký và xét duyệt kiểm tra các lớp hợp tác chuyên ban quốc tế", "Lớp hợp tác chuyên ban quốc tế và các quy định và tiêu chuẩn liên quan khác", "Tiêu chuẩn thực tập và làm thêm dành cho sinh viên lớp chuyên ban Tân Hướng Nam" và "Các biện pháp thực tập ngoài trường của sinh viên" của trường để quy định ra "Những quy định về thực tập và làm thêm của sinh viên lớp chuyên ban hợp tác quốc tế tân hướng nam- trường ĐH KHK T Mã N thực" (sau đây gọi tắt là các quy định).

二、參加校外實習及工讀對象為本專班之學生。

Sinh viên tham gia các chương trình thực tập, làm thêm ngoài trường là sinh viên của lớp chuyên ban quốc tế.

三、校外實習課程至多 36 學分，校外實習課程學分數中至多二分之一可列為必修，其餘為選修學分。各系不得強制學生修讀選修之校外實習課程。各系整體課程架構安排須確保學生若不修習選修實習課程，亦可修習其他選修課程取得足夠畢業學分。

校外實習課程每學分至多實習 80 小時，每學分每學期為 18 週。每週課程（包含理論課及校外實習課）均應於週一至週五之日間排課為限，並於固定時間執行課程。實習課程除以校外實習方式推動之外，必要時亦得以校內實習實施。

Tối đa 36 tín chỉ cho các khóa thực tập ngoài trường, tối đa một nửa số tín chỉ của các khóa thực tập ngoài trường có thể được liệt kê là bắt buộc và phần còn lại là tín chỉ tùy chọn. Các khoa sẽ không ép buộc sinh viên tham gia các khóa thực tập tự chọn ngoài trường. Việc sắp xếp cấu trúc chương trình chung của từng khoa phải đảm bảo nếu sinh viên không học các môn thực tập tự chọn thì cũng có thể học các môn tự chọn khác để đủ số tín chỉ tốt nghiệp.

Khóa học thực tập tối đa là 80 giờ cho mỗi tín chỉ, gồm 18 tuần mỗi học kỳ. Các khóa học hàng tuần (bao gồm các khóa học lý thuyết và các khóa học thực tập) nên được giới hạn trong thời gian biểu ban ngày từ thứ Hai đến thứ

Sáu và các khóa học nên được thực hiện vào một thời điểm cố định. Ngoài việc thúc đẩy khóa học thực tập thông qua thực tập ngoài trường, nó cũng có thể được thực hiện trong trường khi cần thiết.

四、學生參與實習機構之校外實習，每學期應訂定三方之「敏實科技大學新南向產學合作國際專班學生校外實習合約書」，合約內容應規範學校、學生及實習機構之間權利義務及其他相關事項，且須敘明實習課程規劃（含課程及相對應能力培育目標）與學分數，且實習課程規劃應符合相關院、系之專業發展及教學目標。

Đối với sinh viên tham gia thực tập ngoài trường với các tổ chức thực tập, mỗi học kỳ nên soạn thảo hợp đồng ba bên " Hợp đồng thực tập sinh viên ngoài trường dành cho sinh viên lớp chuyên ban hợp tác quốc tế tân hướng nam- trường ĐH KHKT Mẫn Thực ", nội dung hợp đồng nên quy định mối quan hệ giữa nhà trường, sinh viên và tổ chức thực tập, quyền và nghĩa vụ và các vấn đề liên quan khác, và kế hoạch khóa học thực tập (bao gồm các khóa học và mục tiêu đào tạo năng lực tương ứng) và số tín chỉ phải được nêu rõ, kế hoạch khóa học thực tập phải phù hợp với phát triển chuyên môn và mục tiêu giảng dạy của các trường và các khoa có liên quan.

五、學生於同一廠商從事校外實習課程及工讀活動，每週總時數不得逾 40 小時，學生每日實習及工讀總時數不得超過 8 小時，且結束時間不得超過晚上 10 點。學生校外實習津貼及工讀薪資皆應分類入帳，直接匯入學生專屬帳戶，不得有代扣代辦費或代扣學雜費之情形。

Sinh viên tham gia các khóa thực tập ngoài trường và làm thêm tại cùng một nơi, tổng số giờ mỗi tuần không được vượt quá 40 giờ, và tổng số giờ thực hành hàng ngày của sinh viên và các hoạt động làm thêm không được vượt quá 8 giờ, thời gian kết thúc không quá 10 giờ tối. Trợ cấp thực tập ngoài trường và lương vừa học vừa làm của sinh viên nên được phân loại vào tài khoản và chuyển trực tiếp vào tài khoản riêng của sinh viên, không được giữ lại phí đại lý hoặc học phí và các loại phí khác.

六、實習生離退或轉換實習機構之輔導

Hướng dẫn cho sinh viên nghỉ việc hoặc thay đổi cơ sở thực tập

(一) 學生遭實習機構辭退：實習機構認有學生實習表現不良，應提出具體行為事實予導師，經導師輔導後，仍未改善，而遭實習機構辭退者，導師需將該案提報系級實習委員會備查，並由導師及系主任協助遭辭退學生媒合轉換實習機構。遭辭退學生接受轉換實習機構之面試以 2 次為限，另遭辭退學生轉換實習機構以 1 次為限。

Sinh viên bị cơ sở thực tập sa thải: Cơ sở thực tập cho rằng thành tích thực tập của sinh viên kém, nên trình bày sự thật hành vi cụ thể với người hướng dẫn, sau khi nhận được sự tư vấn của thầy cô chủ nhiệm lớp mà vẫn không cải thiện, nếu cơ sở thực tập sa thải sinh viên, người hướng dẫn phải báo cáo vụ việc với hội đồng thực tập cấp khoa để tham khảo, người hướng dẫn và trưởng khoa sẽ hỗ trợ sinh viên bị sa thải chuyển sang cơ sở thực tập khác.

Sinh viên bị đuổi có tối đa 2 lần phỏng vấn để chuyển cơ sở thực tập và sinh viên bị đuổi chỉ được chuyển cơ sở thực tập 1 lần.

- (二) 學生非因個人不可抗拒因素須轉換實習機構，須提前告知實習機構及導師，提出實習機構轉換申請，導師需將該案提報系級實習委員會備查，並由導師及系主任協助遭辭退學生媒合轉換實習機構。

請求轉換實習機構學生接受轉換實習機構之面試以 2 次為限，另學生轉換實習機構以 1 次為限。

Trường hợp sinh viên có nhu cầu thay đổi cơ sở thực tập vì lý do cá nhân bất khả kháng phải thông báo trước cho cơ sở thực tập và người hướng dẫn, đồng thời gửi đơn xin thay đổi cơ sở thực tập, người hướng dẫn phải nộp hồ sơ lên Hội đồng thực tập cấp khoa để tham khảo trong tương lai, đồng thời người giám sát và trưởng bộ phận sẽ hỗ trợ các sinh viên bị sa thải làm trung gian Hợp tác chuyển đổi cơ sở thực tập.

Sinh viên xin chuyển cơ sở thực tập chỉ được phỏng vấn 2 lần khi chuyển cơ sở thực tập và sinh viên xin chuyển cơ sở thực tập 1 lần.

- (三) 學生因個人不可抗拒因素須中止實習，須及時告知實習機構及導師，提出實習中止申請，導師需將該案提報系級實習委員會備查，並進行適當之輔導。該學生於不可抗拒之因素消失時，應盡速通知導師，請求恢復實習，並由導師及系主任協助，回原實習機構實習或媒合轉換實習機構。

Sinh viên phải tạm dừng thực tập vì lý do cá nhân bất khả kháng phải thông báo kịp thời cho tổ chức thực tập và người hướng dẫn, đồng thời làm đơn xin tạm dừng thực tập, người hướng dẫn phải gửi hồ sơ đến hội đồng thực tập cấp khoa để tham khảo sau này, và đưa ra lời khuyên phù hợp. Khi các yếu tố bất khả kháng biến mất, sinh viên nên thông báo cho người giám sát càng sớm càng tốt và yêu cầu tiếp tục thực tập, đồng thời với sự hỗ trợ của trưởng bộ phận, trở lại cơ sở thực tập ban đầu để thực tập hoặc mai mối để chuyển thực tập thể chế.

- (四) 若因實習機構因素，導致實習學生須轉換其他實習機構：無法配合完成提供學生實習，須提前一個月通知本校及實習學生，導師應即提報系所實習委員會，媒合其他實習機會，並得請業管單位協助提供之。

Nếu sinh viên thực tập cần chuyển sang một tổ chức thực tập khác do các yếu tố của tổ chức thực tập: nếu không thể hợp tác với việc hoàn thành thực tập của sinh viên, nhà trường và sinh viên thực tập phải được thông báo trước một tháng và người giám sát nên báo ngay với hội đồng thực tập của khoa để tìm cơ hội thực tập khác.

- (五) 前述各款學生於等待轉換實習機構期間或未能順利轉換實習機構之學生，須於每週一至週五至少 4 日回校，由系主任或導師安排參加轉銜機制(如：課堂學習、校內實習或準備專業證照考試等)，每週至少 16 小時，未回校參加轉銜機制者以缺課論處，並依相關規定辦理。轉銜後學生成績由實習企業及轉銜機制考核分數依時數加權計算之，學生於轉銜中所上課程是否能替代實習學分，需經系、院、校課程委員會及教務會議審議通過。

Sinh viên thuộc các đối tượng nêu trên đang chờ chuyển cơ sở thực tập hoặc không chuyển cơ sở thực tập phải trở lại trường ít nhất 4 ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu, trưởng bộ môn hoặc trợ giảng sẽ bố trí tham gia cơ chế chuyển (chẳng hạn như: học trên lớp, thực tập tại trường hoặc chuẩn bị cho kỳ thi cấp phép chuyên nghiệp, v.v.), ít nhất 16 giờ một tuần, những người không quay lại trường để tham gia cơ chế chuyển trường sẽ

bị phạt vắng mặt và sẽ bị xử lý theo các quy định có liên quan. Sau khi chuyển đổi, điểm của sinh viên được tính bằng trọng số điểm đánh giá của công ty thực tập và cơ chế chuyển đổi theo số giờ. Các khóa học mà sinh viên tham gia trong quá trình chuyển đổi có thể thay thế tín chỉ thực tập hay không cần được xem xét và phê duyệt bởi bộ, trường, ủy ban chương trình giảng dạy của trường và cuộc họp về các vấn đề học thuật.

七、實習糾紛或爭議處理機制

Tranh chấp thực tập hoặc Cơ chế giải quyết tranh chấp

- (一) 學生實習時，若發生爭議，應由學校與實習機構共同商議爭議改善方案，如未獲改善，本校須召開校外實習委員會針對爭議進行協商與處理。

Trong quá trình thực tập sinh viên phát sinh tranh chấp, nhà trường và cơ sở thực tập nên cùng nhau thảo luận phương án cải thiện tranh chấp, nếu không cải thiện được thì nhà trường phải triệu tập hội đồng thực tập ngoài trường để thương lượng giải quyết tranh chấp.

- (二) 實習機構及學生應依決議進行調整及改善，如有任一方不同意決議結果，則由學校協助學生申請轉換實習機構或中止實習。

Cơ sở thực tập và sinh viên căn cứ vào nghị quyết đề điều chỉnh, hoàn thiện, nếu một trong hai bên không đồng ý với kết quả giải quyết, nhà trường sẽ hỗ trợ sinh viên làm đơn xin thay đổi cơ sở thực tập hoặc tạm dừng thực tập.

- (三) 實習機構明確違反合約書或相關法令之規定，學校應協助學生採取相關法律途徑。

Nếu tổ chức thực tập vi phạm rõ ràng các điều khoản của hợp đồng hoặc luật pháp và quy định có liên quan, nhà trường nên hỗ trợ sinh viên thực hiện các kênh pháp lý có liên quan.

- (四) 實習機構不得給予學生差別對待或其他不利之處分。

Tổ chức thực tập không được đối xử khác biệt với sinh viên hoặc các hình phạt bất lợi khác.

八、本校為確保學生權益，學生於執行校外實習課程期間，為其投保「大專校院校外實習學生團體保險」或其他商業保險。

Để đảm bảo quyền và lợi ích của sinh viên, Nhà trường mua bảo hiểm cho sinh viên trong quá trình thực tập ngoài trường bằng “Bảo hiểm nhóm cho sinh viên thực tập ngoài trường” hoặc các bảo hiểm thương mại khác.

九、本校於學生入境後，將提供學生相關勞動法令及權益課程，以維護學生工讀及校外實習權益。

Sau khi sinh viên nhập cảnh, nhà trường sẽ cung cấp cho sinh viên các khóa học về luật lao động và quyền có liên quan để bảo vệ quyền lợi trong quá trình học tập làm việc và thực tập ngoài trường của sinh viên.

十、本要點未盡事宜，依本校「學生校外實習辦法」辦理。

本要點經校務會議通過，陳請校長核定後施行，修正時亦同。

Các vấn đề không được đề cập trong điểm này sẽ được xử lý theo “Quy định dành cho sinh viên thực tập ngoài trường” của trường. Quy định này đã được thông qua trong cuộc họp công tác trường học, hiệu trưởng đã phê duyệt và thực hiện nó, điều này cũng đúng đối với các sửa đổi.